

Chuyên: BGH.
- P. KHTC tổng hợp ý kiến
- Các phòng, TT góp ý

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2093 /DHTN-KHTC

V/v Góp ý dự thảo Nghị định cơ chế
tự chủ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp,
cơ sở giáo dục đại học công lập

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 09 năm 2016

Kính gửi: - Các Cơ sở giáo dục Đại học Thành viên và các đơn vị
trực thuộc Đại học Thái Nguyên

Thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, Bộ giáo dục và Đào tạo đã nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị định quy định cơ chế tự chủ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập.

Thực hiện Công văn số 4241/BGDĐT-KHTC ngày 29/08/2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị có ý kiến góp ý bằng văn bản đối với Tờ trình và dự thảo Nghị định cơ chế tự chủ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập, gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện văn bản.

Đại học Thái Nguyên kính đề nghị các cơ sở giáo dục Đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc thực hiện góp ý bằng văn bản, gửi về Đại học Thái Nguyên theo hình thức công văn và gửi vào địa chỉ email bankhtc.dhtn@moet.edu.vn trước ngày 15/09/2015, để Đại học Thái Nguyên tổng hợp và báo cáo gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, Ban KHTC.



GS.TS Đặng Kim Vui

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 4241/BGDĐT- KHTC

V/v góp ý dự thảo Nghị định quy định cơ chế
tự chủ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở
giáo dục đại học công lập

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2016

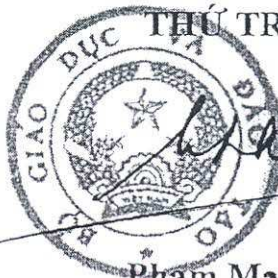
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	
CV	Số: 1735
ĐẾN	Ngày: 6.9.2016
Chuyên: Kinh gửi: ĐH Thái Nguyên	

Thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nghiên cứu xây dựng dự thảo Nghị định quy định cơ chế tự chủ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Quý Trường có ý kiến góp ý bằng văn bản đối với Tờ trình và dự thảo Nghị định (gửi kèm theo) và gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 10/9/2016 để tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện văn bản./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

KT. BỘ TRƯỞNG**THỦ TRƯỞNG**

Phạm Mạnh Hùng

Số: /TTr-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

TỜ TRÌNH

Về ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ của cơ sở giáo dục
nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/8/2012 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Thông báo kết luận của Bộ Chính trị về Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định 16), trong đó giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GDĐT) chủ trì xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập. Bộ GDĐT xin trình Chính phủ dự thảo Nghị định với các nội dung chính như sau:

I. Sự cần thiết ban hành văn bản

1. Sự cần thiết

Ngày 25/4/2006, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 43/2006/NĐ-CP quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định 43). Sau hơn 7 năm thực hiện, Nghị định 43 đã đạt được kết quả nhất định đối với các đơn vị sự nghiệp nói chung và đơn vị sự nghiệp ngành giáo dục nói riêng như: Góp phần giảm thiểu thủ tục hành chính; mở rộng hoạt động để tăng nguồn thu, tăng thu nhập cho người lao động; tăng tích lũy cho đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục và đào tạo; các đơn vị đã được chủ động hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng kinh phí.

Tuy nhiên bên cạnh các kết quả đã đạt được, Nghị định 43 còn một số hạn chế như: Ngân sách nhà nước vẫn thực hiện cấp phát theo cách bình quân, chưa gắn kết việc giao kinh phí cho đơn vị với số lượng, chất lượng dịch vụ giáo dục và đào tạo, nên chưa khuyến khích các đơn vị nâng cao chất lượng đào tạo. Ngoài ra nguồn thu chính của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học là nguồn thu học phí với mức rất thấp, chỉ đáp ứng một phần nhỏ chi phí đào tạo, chưa đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục. Các đơn vị chỉ

được thu lệ phí tuyển sinh đại học, cao đẳng, mà không được thu thêm bất kỳ khoản nào khác theo pháp lệnh phí, lệ phí, vì vậy rất khó khăn cho việc đầu tư cơ sở vật chất, cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ, viên chức, nhất là đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

Từ những tồn tại hạn chế trên, cần thiết phải nghiên cứu xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập để cụ thể hóa Nghị định 16 và khắc phục hạn chế của Nghị định 43.

2. Cơ sở pháp lý

- Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/8/2012 về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Thông báo kết luận của Bộ Chính trị về Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công”; Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 126/VPCP-TH ngày 20/1/2014 về chương trình công tác năm 2014 của Chính phủ trong đó giao cho Bộ GDĐT chủ trì xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định về cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

- Chính phủ đã ban hành Nghị định 16 (Nghị định khung áp dụng chung cho các đơn vị sự nghiệp), Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 về kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, trong đó giao cho Bộ GDĐT chủ trì xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

Vì vậy, việc nghiên cứu xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập là cần thiết và đủ cơ sở pháp lý.

II. Quan điểm và mục tiêu xây dựng văn bản

1. Quan điểm

- Cụ thể hóa các nội dung Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 9/8/2012 của Chính phủ thực hiện Thông báo kết luận của Bộ Chính trị về Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công;

- Bảo đảm được tính hợp hiến, hợp pháp, phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan như Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Luật Giá; Luật Viên chức; Luật Giáo dục đại học; Luật Giáo dục nghề nghiệp.

- Cụ thể hóa các nguyên tắc cơ bản và kế thừa các quy định của Nghị định 16 phù hợp với đặc thù của lĩnh vực giáo dục đào tạo.

- Giao quyền tự chủ mạnh cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, đối với các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được giao tự chủ toàn diện, tiến tới không còn cơ quan chủ quản. Theo đó cho phép một số quy định về quyền tự chủ đối với hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính có thể cao hơn Nghị định 16 của Chính phủ, nhưng đảm bảo nguyên tắc không vượt quá quy định của các văn bản Luật liên quan đã ban hành.

- Bên cạnh việc giao quyền tự chủ phải quy định gắn với trách nhiệm báo cáo, giải trình, cam kết nâng cao chất lượng đào tạo và phải thực hiện công khai minh bạch quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm để cán bộ nhân viên, các tổ chức đảng, đoàn thể trong cơ quan đơn vị, cơ quan quản lý nhà nước và xã hội có cơ sở kiểm tra, giám sát.

- Nâng cao vị thế, vai trò của Hội đồng trường trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát đối với các nội dung thực hiện tự chủ về hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, tổ chức bộ máy, biên chế và quản lý thu, chi tài chính của đơn vị.

- Đảm bảo các đối tượng chính sách và người nghèo được tiếp cận và hưởng thụ các dịch vụ giáo dục, đào tạo có chất lượng hơn, công bằng hơn.

2. Mục tiêu

- Tăng cường hơn nữa việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học.

- Xây dựng lộ trình, từng bước xóa bỏ bao cấp qua giá, phí cung cấp dịch vụ giáo dục đào tạo theo hướng từng bước tính đủ chi phí đào tạo phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước và khả năng chi trả của người dân, tạo điều kiện cơ cấu lại ngân sách chi cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Phân định rõ giá, phí theo từng loại dịch vụ giáo dục, đào tạo được hỗ trợ ngân sách nhà nước và dịch vụ giáo dục, đào tạo không được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị được giao quyền tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và tài chính gắn với mức độ tự chủ về tài chính và chuyên môn của đơn vị.

- Hướng tới thực hiện phương thức đấu thầu, đặt hàng giao nhiệm vụ cho các đơn vị dựa trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật và tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng của từng loại hình dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Tăng cường hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật tạo căn cứ pháp lý rõ ràng, minh bạch đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

III. Quá trình soạn thảo văn bản

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 4134/QĐ-BGDĐT ngày 23/9/2013 thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Nghị định với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Ban soạn thảo đã thực hiện các công việc: Tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; xây dựng khung dự thảo Nghị định và các nội dung chi tiết của dự thảo Nghị định; tổ chức các hội thảo, thảo luận về dự thảo Nghị định; xin ý kiến chính thức bằng văn bản lần 1 của các Bộ, ngành, địa phương; đăng nội dung dự thảo Nghị định trên Website của Chính phủ và Website của Bộ GDĐT.

Ngày 15/12/2015, Ban soạn thảo đã gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về hồ sơ dự thảo Nghị định. Ngày 16/2/2016, Bộ Tư pháp đã có công văn số 28/BTP-PLHSHC về thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị định, Ban soạn thảo đã nghiên cứu tiếp thu ý kiến thẩm định để hoàn chỉnh dự thảo Nghị định lần 1. Tuy nhiên thực hiện quy định của Luật Giáo dục đại học yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học khi giao quyền tự chủ phải dựa trên năng lực chuyên môn và năng lực về tài chính. Vì vậy Bộ GDĐT đã nghiên cứu hoàn chỉnh lại dự thảo theo phương pháp tiếp cận mới, trong đó việc giao quyền tự chủ vừa căn cứ vào năng lực chuyên môn, vừa căn cứ vào khả năng tự đảm bảo tài chính.

IV. Cấu trúc và một số nội dung chủ yếu của dự thảo

Dự thảo Nghị định bao gồm 4 chương, 34 điều, được kết cấu như sau:

1. Chương I. Những quy định chung: gồm 5 điều quy định về phạm vi, đối tượng điều chỉnh; giải thích từ ngữ; giá, phí dịch vụ giáo dục đào tạo và Danh mục dịch vụ giáo dục có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Chương II. Cơ chế tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học: gồm 12 điều quy định về điều kiện thực hiện tự chủ, nội dung tự chủ thực hiện hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ; tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự; tự chủ về tài chính; tự chủ đối với đại học vùng; Hội đồng trường; trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học.

3. Chương III. Cơ chế tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: gồm 11 điều quy định về điều kiện thực hiện tự chủ, nội dung tự chủ thực hiện hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ; tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự; tự chủ về tài chính; Hội đồng trường; trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

4. Chương IV. Tổ chức thực hiện: Gồm 5 điều quy định về giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học; trách nhiệm của các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học; xử lý vi phạm; điều khoản chuyển tiếp và hiệu lực thi hành văn bản.

V. Những nội dung cơ bản của văn bản

Nghị định này dựng xây dựng trên cơ sở quy định chung của Nghị định 16, theo đó các quy định của Nghị định này tương đồng với các quy định của Nghị định 16 sẽ được quy định dẫn chiếu theo quy định tại Nghị định 16. Theo đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo một số nội dung bổ sung, cụ thể hóa Nghị

định 16 cho phù hợp với lĩnh vực giáo dục đào tạo như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Nghị định này chỉ quy định cơ chế tự chủ về thực hiện hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập (gọi tắt là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học).

Các nội dung khác không quy định tại Nghị định này, được áp dụng theo quy định tại Nghị định 16 của Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng (Điều 2)

- Đối tượng áp dụng Nghị định này bao gồm: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm các trường trung cấp và các trường cao đẳng theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp; các cơ sở giáo dục đại học công lập theo quy định của Luật Giáo dục đại học. Nghị định này không áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập từ mầm non đến trung học phổ thông, các cơ sở giáo dục thường xuyên; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, hệ thống các Trường Chính trị thuộc tỉnh ủy, huyện ủy các địa phương và các đơn vị sự nghiệp công lập khác trong lĩnh vực giáo dục do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập. Lý do vì các đơn vị này có nguồn thu thấp, mức độ tự đảm bảo tài chính chưa cao và về cơ bản tương đồng với quy định của Nghị định số 16, vì vậy Nghị định quy định các đơn vị này sẽ thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 16 của Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan.

- Các Đại học vùng thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định này và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội áp dụng các quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Đối với các Đại học quốc gia, trường Đại học Việt Đức, trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội và các trường đại học thành lập theo mô hình trường đại học xuất sắc, hoạt động theo cơ chế tài chính đặc thù do Thủ tướng Chính phủ quy định.

3. Về giá dịch vụ giáo dục đào tạo (Điều 4)

Gồm 2 loại: (i) Học phí và (ii) Giá dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, trong đó:

- Học phí được quy định cụ thể đối với từng loại hình đơn vị tự chủ: Đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư được tự quyết định mức thu học phí; đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên được thực hiện mức thu tính đủ chi phí đào tạo; đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên được thực hiện mức thu theo lộ trình tính đủ chi phí đào tạo; đơn vị do ngân sách đảm bảo chi thường xuyên thực hiện mức thu học phí theo quy định hiện hành.

- Đối với dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo sử dụng ngân sách nhà nước: Giá dịch vụ được xác định trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật,

định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành và lộ trình tính đủ chi phí, cụ thể: Năm 2016, tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp; Đến năm 2018, tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp và chi phí quản lý; Đến năm 2020, tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định.

- Đối với dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo không sử dụng ngân sách nhà nước, các đơn vị được tự xác định giá bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy theo quy định pháp luật về giá.

4. Về điều kiện thực hiện tự chủ đối với cơ sở giáo dục đại học (Điều 6):

Để đảm bảo phù hợp với Luật Giáo dục Đại học quy định tự chủ phải căn cứ vào kết quả kiểm định và năng lực chuyên môn, theo đó Nghị định quy định các cơ sở giáo dục đại học: Tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; tự bảo đảm chi thường xuyên; tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; và đơn vị được Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên được thực hiện tự chủ về hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính theo quy định tại Nghị định này khi đảm bảo các điều kiện: Đã xác định rõ sứ mệnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; đã thành lập Hội đồng trường theo quy định; đảm bảo tỉ lệ học sinh, sinh viên chính quy/giáo viên, giảng viên cơ hữu theo quy định hiện hành; đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo; không vi phạm các quy định khác về tuyển sinh, tổ chức, quản lý đào tạo; đã đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định; có giải pháp tự chủ về tài chính để tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động của nhà trường.

5. Về tự chủ thực hiện hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ (Điều 7)

Tự chủ thực hiện hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ được quy định theo 4 mức tự chủ khác nhau, mức độ tự chủ sẽ giảm dần phù hợp với 4 loại đơn vị: Tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; tự bảo đảm chi thường xuyên; tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; và đơn vị được Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên. Trong đó đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư có mức độ tự chủ cao nhất và gần như tự chủ hoàn toàn về hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ, cụ thể:

a) Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được tự chủ:

- Mở ngành đào tạo trong danh mục cấp IV hoặc thí điểm mở ngành đào tạo ngoài danh mục cấp IV theo nhu cầu xã hội khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo; quyết định quy mô đào tạo của đơn vị mình; xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo nhu cầu xã hội, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo; quyết định các hoạt động đào tạo; bảo đảm chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; quyết định liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng;

- Quyết định mô hình tổ chức, phương thức hoạt động, bố trí ngân sách dành cho hoạt động khoa học công nghệ; quyết định hướng nghiên cứu; phương thức thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học; quyết định thực

hiện hoặc tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ, dịch vụ khoa học công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;

Ngoài ra để đảm bảo công bằng cho các cơ sở giáo dục đại học chưa có khả năng tự đảm bảo về tài chính nhưng có năng lực về chuyên môn, Nghị định cho phép các đơn vị có năng lực tốt về chuyên môn cũng được thực hiện tự chủ các nội dung trên nếu đáp ứng các điều kiện sau: Được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng của tổ chức đánh giá/kiểm định chất lượng giáo dục quốc tế được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận hoặc đạt kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo quy định hiện hành của Việt Nam ở mức đạt từ 90% trở lên số tiêu chí đạt yêu cầu và có ít nhất 10% giảng viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên ngành ở tất cả các ngành, chuyên ngành đang được đào tạo có bài báo, công trình công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có tên trong danh mục ISI, Scopus trong ba năm gần nhất.

b) Đối với cơ sở giáo dục đại học tự bảo đảm chi thường xuyên được tự chủ:

- Mở ngành đào tạo trong danh mục cấp IV khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo; quyết định liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành về liên kết đào tạo trong nước và nước ngoài, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo; xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo nhu cầu xã hội, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo; quyết định các hoạt động đào tạo, bảo đảm chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng;

- Quyết định mô hình tổ chức, phương thức hoạt động, bố trí ngân sách dành cho hoạt động khoa học công nghệ;

Ngoài ra đối với các đơn vị không tự đảm bảo chi thường xuyên nếu đáp ứng đủ các điều kiện: Đạt kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo quy định hiện hành của Việt Nam; tỷ lệ giảng viên cơ hữu, nghiên cứu viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ chiếm ít nhất 30% tổng số giảng viên; có ít nhất 80% giảng viên cơ hữu có công trình khoa học được xét tính điểm theo quy định của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước trong ba năm gần nhất; trong đó, có giảng viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên ngành có bài báo, công trình công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có tên trong danh mục ISI, Scopus trong ba năm gần nhất thì cũng được tự chủ các nội dung nêu trên.

c) Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên được tự chủ:

- Quyết định liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành về liên kết đào tạo trong nước và nước ngoài, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo; xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo nhu cầu xã hội, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo; quyết định các hoạt động đào tạo, bảo đảm chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng và được tự chủ các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Quyết định mô hình tổ chức, phương thức hoạt động, bố trí ngân sách dành cho hoạt động khoa học công nghệ;

Đối với cơ sở giáo dục đại học không tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, nếu đạt kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo quy định hiện hành của Việt Nam thì cũng được thực hiện tự chủ các nội dung quy định nêu trên.

c) Đơn vị do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên được thực hiện tự chủ về hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ theo quy định hiện hành.

6. Tự chủ tổ chức bộ máy (Điều 8)

Về cơ bản các cơ sở giáo dục đại học đã được giao tự chủ toàn bộ về tổ chức bộ máy, Nghị định này chỉ bổ sung quy định để nâng cao vị thế và vai trò giám sát của Hội đồng trường, cụ thể: Hiệu trưởng hoặc Giám đốc các cơ sở giáo dục đại học được quyết định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các phòng, ban chức năng; khoa, bộ môn; tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng trường.

7. Tự chủ nhân sự (Điều 9)

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng trường, Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục đại học tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; tự bảo đảm chi thường xuyên; tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; và đơn vị được Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên được quyết định: Chiến lược và chính sách phát triển nguồn nhân lực của đơn vị; quy định tiêu chuẩn và hướng dẫn tuyển dụng, quản lý, sử dụng đối với công chức, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật; thực hiện các chế độ, chính sách, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của công chức, viên chức, người lao động. Chế độ và chính sách thu hút, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ đối với công chức, viên chức, nhà khoa học, nhà quản lý, giảng viên, giáo viên có trình độ cao, nghiên cứu viên làm công tác khoa học công nghệ; quy định mức thu nhập của công chức, viên chức, người lao động theo chất lượng và hiệu quả sản phẩm công việc. Mời các nhà khoa học, nhà quản lý, chuyên gia có uy tín ở trong và ngoài nước đến giảng dạy, nghiên cứu khoa học, quản lý chuyên môn, quản lý các đề án, dự án, chương trình đào tạo và khoa học công nghệ. Tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức theo quy định của pháp luật. Thực hiện các nhiệm vụ về tự chủ nhân sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ngoài các quy định chung nêu trên, Nghị định quy định mức độ tự chủ cao hơn đối với từng loại hình đơn vị, cụ thể:

- Đối với cơ sở giáo dục đại học tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, cơ sở giáo dục đại học tự bảo đảm chi thường xuyên: Được tự chủ xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề án vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp. Tự chủ quyết định số lượng người làm việc, tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức hàng năm báo cáo cơ quan chủ quản để tổng hợp báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

- Đối với cơ sở giáo dục đại học tự đảm bảo một phần chi thường xuyên hoặc đơn vị do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên: Được tự chủ xây dựng đề án vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trình cấp có thẩm quyền, quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện tuyển dụng số lượng người làm việc do cấp có thẩm quyền giao.

8. Tự chủ tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (Điều 10)

a) Nguồn tài chính của đơn vị, ngoài các nguồn vốn quy định tại Nghị định 16, cơ sở giáo dục đại học được thực hiện các nguồn thu sau:

- Nguồn thu học phí: Do đơn vị này không nhận kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, vì vậy Nghị định quy định cho phép đơn vị được tự quyết định mức thu học phí theo nguyên tắc bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý.

- Thu dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ, bổ sung kiến thức, kỹ năng để cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận đào tạo và các hình thức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn khác; thu dịch vụ khảo thí, kiểm định chất lượng giáo dục đào tạo; tư vấn giáo dục đào tạo; thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, thu phí bản quyền, giá trị thương hiệu, phí quản lý các hợp đồng nghiên cứu khoa học, phí quản lý dự án. Đơn vị thực hiện mức thu theo nguyên tắc: Nếu dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước thì đơn vị tự quyết định mức thu theo lộ trình tính đủ chi phí. Đối với dịch vụ không sử dụng ngân sách, đơn vị tự quyết định mức thu đảm bảo bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý.

- Ngoài ra các cơ sở giáo dục đại học được thu các khoản thu dịch vụ khác hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo ngoài học phí nhưng phải thỏa thuận với người học về nội dung và mức thu, đồng thời báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đại học ở trung ương để theo dõi, giám sát thực hiện, tránh tình trạng lạm thu.

- Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo số lượng, khối lượng nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ và giá tính đủ chi phí; vốn đầu tư phát triển đối với các dự án đầu tư dở dang và các dự án đầu tư khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Nguồn huy động tài trợ để thành lập quỹ hiến tặng, đơn vị được quyết định việc thành lập và sử dụng Quỹ; không hạn chế hạn mức vay đối với vốn vay các tổ chức tài chính, tín dụng;

- Lãi tiền gửi ngân hàng thương mại đối với các khoản thu từ học phí và các khoản thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp khác;

b) Sử dụng nguồn tài chính

- Chi đầu tư, mua sắm: Đơn vị phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp. Được quyết định các dự án đầu tư sử dụng nguồn thu hợp pháp của đơn vị và các nguồn hợp pháp khác do đơn vị tự huy động; thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp

luật về đầu tư; quyết định và chịu trách nhiệm đối với các dự án đầu tư mua sắm từ nguồn hợp pháp của đơn vị; quyết định việc sử dụng tài sản, cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị được đầu tư và giá trị thương hiệu của nhà trường để liên doanh, liên kết;

- Chi thường xuyên: Đơn vị được tự quyết định nội dung và mức chi từ các nguồn thu học phí và thu sự nghiệp, nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, bao gồm cả chi tiền lương, chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

- Chi hoạt động không thường xuyên: Đơn vị chi theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và pháp luật hiện hành; Chi học bổng khuyến khích học tập; chi đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ thực hiện theo quy định;

c) Phân phối kết quả tài chính trong năm

- Chênh lệch thu chi sau khi nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác theo quy định, đơn vị phải trích quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp tối thiểu 25%. Các quỹ khen thưởng; quỹ phúc lợi; quỹ hỗ trợ sinh viên và các quỹ khác do đơn vị tự quyết định mức trích lập quỹ và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

- Lãi tiền gửi ngân hàng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp và được bổ sung vào quỹ hỗ trợ học sinh, sinh viên; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các quỹ khác theo quy định;

9. Tự chủ tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học tự đảm bảo chi thường xuyên (Điều 11)

a) Nguồn tài chính của đơn vị

- Nguồn thu học phí: Đơn vị quyết định mức thu học phí tính đủ chi phí đào tạo áp dụng cho năm học 2020 – 2021 quy định tại khoản 1, Điều 5 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 86);

- Nguồn huy động tài trợ để thành lập quỹ hiến tặng sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập, đơn vị được quyết định việc sử dụng Quỹ; đơn vị chỉ được vay vốn tại các tổ chức tín dụng, mức vay tối đa bằng 50% tổng nguồn thu từ học phí, thu hoạt động dịch vụ đào tạo và dịch vụ sự nghiệp khác trong năm;

- Các khoản thu dịch vụ sự nghiệp và thu dịch vụ khác hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo; nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, các khoản thu khác như đối với đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư nêu trên.

b) Sử dụng nguồn tài chính:

- Chi đầu tư, mua sắm: Căn cứ nhu cầu đầu tư và khả năng cân đối các nguồn tài chính, đơn vị chủ động xây dựng danh mục các dự án đầu tư, báo cáo

cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với chi đầu tư từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay và các nguồn tài chính hợp pháp khác của đơn vị. Trên cơ sở danh mục dự án đầu tư đã được phê duyệt, đơn vị quyết định dự án đầu tư, bao gồm các nội dung về quy mô, phương án xây dựng, tổng mức vốn, nguồn vốn, phân kỳ thời gian triển khai theo quy định của pháp luật về đầu tư; Chi từ nguồn ngân sách nhà nước cấp: Đơn vị phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng đối với nguồn ngân sách nhà nước cấp;

- Chi thường xuyên: Đơn vị chi trả tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công. Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị (ngân sách nhà nước không cấp bổ sung). Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý: Đối với các nội dung chi đã có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ vào khả năng tài chính, đơn vị được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Đối với các nội dung chi chưa có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ tình hình thực tế, đơn vị xây dựng mức chi cho phù hợp theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

- Chi không thường xuyên và các khoản chi khác tương tự như đối với đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

c) Phân phối kết quả tài chính trong năm:

- Trích lập và sử dụng các quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; quỹ bổ sung thu nhập; quỹ khen thưởng; quỹ phúc lợi và các quỹ khác thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 16 của Chính phủ;

- Lãi tiền gửi ngân hàng sau khi nộp thuế theo quy định, được bổ sung vào quỹ hỗ trợ học sinh, sinh viên; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các quỹ khác theo quy định.

10. Tự chủ tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Điều 12)

a) Nguồn tài chính của đơn vị

- Nguồn thu học phí: Đơn vị quyết định mức thu học phí theo lộ trình tính đủ chi phí đào tạo quy định tại khoản 1, Điều 5 Nghị định số 86;

- Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công;

- Nguồn vốn vay, đơn vị chỉ được vay vốn tại các tổ chức tín dụng, theo quy định của pháp luật;

- Các khoản thu dịch vụ sự nghiệp và thu dịch vụ khác hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo, các nguồn vốn khác như đối với đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

b) Sử dụng nguồn tài chính

- Chi đầu tư, mua sắm: Thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư, mua sắm;

- Chi thường xuyên, chi không thường xuyên: Đơn vị thực hiện tương tự đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên.

- Phân phối kết quả tài chính trong năm:

Trích lập và sử dụng các quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; quỹ bổ sung thu nhập; quỹ khen thưởng; quỹ phúc lợi và các quỹ khác thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 14 Nghị định số 16 của Chính phủ;

- Lãi tiền gửi ngân hàng sau khi nộp thuế theo quy định, được bổ sung vào quỹ hỗ trợ học sinh, sinh viên; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

11. Tự chủ tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (Điều 13)

Nguồn tài chính, nội dung chi, mức chi, việc quản lý, sử dụng nguồn tài chính và trích lập các quỹ của đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định 16 của Chính phủ. Riêng các khoản thu từ học phí và hoạt động dịch vụ (nếu có), đơn vị được gửi vào tài khoản tại ngân hàng. Lãi tiền gửi ngân hàng sau khi nộp thuế theo quy định được bổ sung vào quỹ hỗ trợ học sinh, sinh viên.

12. Về tự chủ trong giao dịch tài chính (Điều 14)

- Cơ sở giáo dục đại học được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại để phản ánh các khoản thu học phí, thu hoạt động dịch vụ giáo dục đào tạo. Lãi tiền gửi là nguồn thu của đơn vị được bổ sung vào quỹ hỗ trợ học sinh, sinh viên; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc bổ sung vào quỹ khác theo quy định đối với từng loại hình đơn vị tự chủ quy định tại Nghị định này, không được bổ sung vào quỹ bổ sung thu nhập;

- Các khoản kinh phí ngân sách nhà nước cấp, các khoản thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, đơn vị mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để theo dõi, quản lý sử dụng.

- Cơ sở giáo dục đại học có hoạt động dịch vụ được vay vốn của các tổ chức tín dụng, huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị để đầu tư mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động sự nghiệp, tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với từng loại hình tự chủ quy định tại Nghị định này. Khi thực hiện vay vốn, huy động vốn, cơ sở giáo dục đại học phải có phương án tài chính khả thi, tự chịu trách nhiệm trả nợ vay, lãi vay theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hiệu quả của việc vay vốn, huy động vốn.

13. Tự chủ tài chính đối với các đại học vùng (Điều 15)

Để có cơ sở pháp lý cho các Đại học vùng thực hiện quyền tự chủ theo đúng quy định, Nghị định này bổ sung quy định về quyền tự chủ tài chính đối với các đại học vùng như: Được quyết định phân bổ chi phí quản lý đào tạo, quản lý khoa học công nghệ; quản lý học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh giữa các đơn vị trong Đại học vùng; quyết định tỷ lệ trích nộp

đối với các khoản thu sự nghiệp của đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc về Đại học vùng để phục vụ các nhiệm vụ chung của Đại học vùng và phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, thực hiện công khai tài chính theo quy định.

14. Hội đồng trường (Điều 16)

Để phù hợp với Luật Giáo dục đại học, Nghị định quy định các cơ sở giáo dục đại học phải thành lập Hội đồng trường theo quy định. Thủ tục thành lập và hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn, cơ cấu, số lượng thành viên của Hội đồng trường thực hiện theo quy định tại Luật Giáo dục đại học và Điều lệ quy định đối với cơ sở giáo dục đại học.

Riêng đối với các cơ sở giáo dục đại học tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Hội đồng trường được ủy quyền thực hiện bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng (trình tự, thủ tục, thời gian được ủy quyền theo quy định của pháp luật và cơ quan chủ quản).

15. Trách nhiệm giải trình (Điều 17)

Cơ sở giáo dục đại học được giao thực hiện tự chủ theo quy định của Nghị định này phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình, bao gồm:

- Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật đối với các quyết định thực hiện quyền tự chủ về hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị; tổ chức, thực hiện quản lý, sử dụng viên chức theo quy định của pháp luật về viên chức.

- Tuyên bố công khai sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục và các giá trị cốt lõi của nhà trường; bảo đảm chất lượng dịch vụ giáo dục đào tạo theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và cam kết thực hiện mọi giải pháp thực hiện các nội dung này.

- Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế sử dụng tài sản, quy chế dân chủ cơ sở, quy chế công khai tài và các văn bản về quy trình, quy định quản lý nội bộ khác trong các lĩnh vực hoạt động tự chủ của nhà trường và công khai tất cả các quy trình và quy định trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

- Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của Nhà nước giao, thực hiện chế độ hạch toán kế toán, thống kê, thông tin, báo cáo hoạt động theo quy định.

- Thực hiện kiểm toán độc lập hằng năm, công khai báo cáo kiểm toán trên trang thông tin điện tử; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, giải trình và công khai thông tin xác thực (có minh chứng) về các hoạt động của trường đại học (trừ các thông tin bí mật theo quy định).

16. Về cơ chế tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (Chương III)

Cơ chế tự chủ về hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, tổ chức bộ máy và tài chính của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được quy định cụ thể tại Chương III, nội dung tự chủ tương tự như đối với cơ sở giáo dục đại học.

(Nội dung chi tiết theo dự thảo Nghị định kèm theo)

VI. Tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương:

Ngày 17/9/2015, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có các công văn: số 4789/BGDĐT- KHTC gửi các Bộ ngành, số 4791/BGDĐT- KHTC gửi các Trường Đại học, số 4790/BGDĐT- KHTC gửi các sở giáo dục và đào tạo để xin ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định lần 1.

Tuy nhiên hiện nay nội dung dự thảo đã thay đổi theo định hướng mới, vì vậy Bộ GDĐT tiếp tục gửi xin ý kiến các Bộ, ngành lần 2 (các ý kiến tham gia sẽ tổng hợp sau)

VII. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Sau khi có ý kiến tham gia của các Bộ, ngành lần 2, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ hoàn chỉnh và gửi lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp lần 2.

Bộ Giáo dục và Đào tạo kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ủy ban VHGD TNTN&NĐ của Quốc hội;
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ;
- VPCP: Vụ KGVX, Vụ TH, Vụ PL, Công TTĐT;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

BỘ TRƯỞNG

Phùng Xuân Nhạ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định cơ chế tự chủ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp,
cơ sở giáo dục đại học công lập**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 06 năm 2008;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 04 tháng 12 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định cơ chế tự chủ về thực hiện hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập (sau đây gọi tắt là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học).

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị định này, được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 16) và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm các trường trung cấp và các trường cao đẳng công lập theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi tắt là cơ sở giáo dục nghề nghiệp);

b) Các cơ sở giáo dục đại học công lập theo quy định của Luật Giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là cơ sở giáo dục đại học);

c) Các Đại học vùng thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định này và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội áp dụng các quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật khác có liên quan;

đ) Các Đại học quốc gia, trường Đại học Việt Đức, trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội và các trường đại học thành lập theo mô hình trường đại học xuất sắc hoạt động theo cơ chế tài chính đặc thù do Thủ tướng Chính phủ quy định.

2. Nghị định này không áp dụng đối với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, hệ thống các Trường Chính trị thuộc tỉnh ủy, huyện ủy các địa phương.

3. Các cơ sở giáo dục công lập từ mầm non đến trung học phổ thông, các cơ sở giáo dục thường xuyên theo quy định của Luật Giáo dục, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục; các đơn vị sự nghiệp công lập khác trong lĩnh vực giáo dục do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục đào tạo thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 16 của Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ chế tự chủ về thực hiện hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ là các quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện mở ngành, chuyên ngành đào tạo; xác định chỉ tiêu tuyển sinh; tổ chức tuyển sinh; thực hiện các hoạt động đào tạo (chương trình đào tạo; phương pháp giảng dạy; phương pháp thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập; giáo trình, học liệu và quản lý đào tạo; in, cấp phát và quản lý văn bằng, chứng chỉ); thực hiện liên kết đào tạo; thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ; thực hiện cung cấp dịch vụ giáo dục đào tạo; các hoạt động giáo dục đào tạo khác.

2. Cơ chế tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự là các quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thành lập mới, sáp nhập, chia, tách, giải thể; quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của các tổ chức trực thuộc; quyết định cơ cấu và số lượng người làm việc; tuyển dụng nhân viên; ký kết hợp đồng, quản lý, sử dụng và chấm dứt hợp đồng lao động.

3. Cơ chế tự chủ về tài chính là các quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý thu, chi tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, trích lập và sử dụng các quỹ của đơn vị.

4. Dịch vụ đào tạo là dịch vụ giáo dục, giảng dạy, học tập đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học do các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học công lập cung cấp.

5. Dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục đào tạo là các dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ, bổ sung kiến thức, kỹ năng để cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận đào tạo; dịch vụ khảo thí, kiểm định chất lượng giáo dục; tư vấn giáo dục đào tạo; dịch vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các dịch vụ khác hỗ trợ hoạt động giáo dục đào tạo do các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học cung cấp nhằm đáp ứng yêu cầu giáo dục và đào tạo của người dân.

6. Chi phí tiền lương là tiền lương, tiền công của công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị.

7. Chi phí trực tiếp là chi phí phục vụ hoạt động giáo dục, giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học; hoạt động cung cấp dịch vụ, gồm: Chi phí vật tư, văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, điện, nước, nguyên, nhiên vật liệu và các chi phí khác phục vụ trực tiếp hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học hoặc cung cấp dịch vụ giáo dục đào tạo khác.

8. Chi phí quản lý là chi phí phục vụ các phòng, ban của bộ phận quản lý trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, gồm: Chi phí vật tư, văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ, điện, nước và các chi phí khác phục vụ công tác quản lý.

9. Chi phí khấu hao tài sản cố định là chi phí khấu hao nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị sử dụng trong hoạt động cung cấp dịch vụ giáo dục đào tạo.

Điều 4. Giá dịch vụ giáo dục đào tạo

1. Học phí đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học được thực hiện theo quy định tại Nghị định này phù hợp với từng loại hình đơn vị thực hiện tự chủ.

2. Giá dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục đào tạo

a) Dịch vụ có sử dụng ngân sách nhà nước:

- Đối với dịch vụ Nhà nước chưa quy định mức giá hoặc khung giá cụ thể, các đơn vị được xác định giá dịch vụ trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành và lộ trình tính đủ chi

phí như sau: Năm 2016 tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp (chưa tính chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định); đến năm 2018 tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp và chi phí quản lý (chưa tính chi phí khấu hao tài sản cố định); đến năm 2020 tính đủ chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định. Căn cứ vào tình hình thực tế, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học được phép thực hiện trước lộ trình tính giá dịch vụ giáo dục đào tạo nói trên và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học ở trung ương để theo dõi, giám sát thực hiện.

- Đối với những dịch vụ Nhà nước đã quy định mức giá cụ thể hoặc khung giá, đơn vị thực hiện theo quy định của Nhà nước.

b) Dịch vụ không sử dụng ngân sách nhà nước: Các đơn vị được tự xác định giá bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy theo quy định pháp luật về giá.

Điều 5. Danh mục dịch vụ giáo dục đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Danh mục dịch vụ giáo dục đào tạo sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trong quá trình thực hiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm rà soát, bổ sung, sửa đổi Danh mục dịch vụ giáo dục đào tạo sử dụng ngân sách nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong từng thời kỳ.

2. Căn cứ danh mục dịch vụ giáo dục đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này, các cơ quan quản lý cấp trên xác định số lượng và khối lượng của từng dịch vụ để đấu thầu hoặc đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương II

CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 6. Điều kiện thực hiện tự chủ

Các cơ sở giáo dục đại học: Tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; tự bảo đảm chi thường xuyên; tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; được Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên được thực hiện tự chủ về hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính theo quy định tại Nghị định này khi đảm bảo các điều kiện sau:

1. Đã xác định rõ sứ mệnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

2. Đã thành lập Hội đồng trường theo quy định, đã ban hành văn bản quy định về quy chế làm việc của Hội đồng trường, trong đó làm rõ mối quan hệ giữa Hội đồng trường với Đảng ủy và Ban Giám hiệu; Hội đồng trường đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc.

3. Đảm bảo tỉ lệ sinh viên chính quy/ giảng viên cơ hữu theo quy định hiện hành.

4. Đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo; đã công bố công khai trên website của trường các điều kiện đảm bảo chất lượng, chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số trúng tuyển và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

5. Không vi phạm các quy định khác về tuyển sinh, tổ chức, quản lý đào tạo và các quy định khác của pháp luật trong thời hạn 03 năm tính đến ngày cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án tự chủ của đơn vị.

6. Đã đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học hoặc đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo quy định.

7. Có kế hoạch và giải pháp tự chủ về tài chính để tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ và các hoạt động khác của nhà trường.

Điều 7. Tự chủ về hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ

1. Cơ sở giáo dục đại học tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được tự chủ:

a) Mở ngành đào tạo trong danh mục cấp IV hoặc thí điểm mở ngành đào tạo ngoài danh mục cấp IV theo nhu cầu xã hội khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Quyết định quy mô đào tạo của đơn vị mình;

c) Xác định chỉ tiêu tuyển sinh theo nhu cầu xã hội, năng lực đào tạo của cơ sở giáo dục đại học, số lượng tuyển sinh, điểm tuyển sinh và tỉ lệ sàng lọc sinh viên trong vòng 3 năm tính tại thời điểm tuyển sinh hàng năm và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường; chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh theo quy định hoặc theo đề án tự chủ tuyển sinh; bảo đảm công khai, minh bạch; báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Quyết định các hoạt động đào tạo (chương trình đào tạo; phương pháp đào tạo; hình thức đào tạo; phương pháp kiểm tra, đánh giá; công tác tổ chức đào tạo; in, cấp phát và quản lý văn bằng, chứng chỉ); bảo đảm chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động;

đ) Quyết định liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài trên cơ sở chương trình liên kết đã được kiểm định chất lượng hoặc đang được phép đào tạo; được tự xác định chỉ tiêu liên kết theo quy định hiện hành; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và quyền lợi chính đáng của

người học; công khai cơ sở, địa điểm, chương trình liên kết đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng; báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo;

e) Thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng và được tự chủ các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

g) Quyết định mô hình tổ chức, phương thức hoạt động, bố trí ngân sách dành cho hoạt động khoa học công nghệ;

h) Quyết định hướng nghiên cứu; phương thức thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học; quyết định thực hiện hoặc tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ, dịch vụ khoa học công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;

i) Đối với các đơn vị không tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, nếu được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng của tổ chức đánh giá/kiểm định chất lượng giáo dục quốc tế được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận hoặc đạt kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo quy định hiện hành của Việt Nam ở mức đạt từ 90% trở lên số tiêu chí đạt yêu cầu và có ít nhất 10% giảng viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên ngành ở tất cả các ngành, chuyên ngành đang được đào tạo có bài báo, công trình công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có tên trong danh mục ISI, Scopus trong ba năm gần nhất thì được tự chủ thực hiện hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản 1, Điều này.

2. Cơ sở giáo dục đại học tự bảo đảm chi thường xuyên được tự chủ:

a) Mở ngành đào tạo trong danh mục cấp IV khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Quyết định liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành về liên kết đào tạo trong nước và nước ngoài; được tự xác định chỉ tiêu liên kết theo quy định hiện hành; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và quyền lợi chính đáng của người học; công khai cơ sở, địa điểm, chương trình liên kết đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng; báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Quyết định các nội dung quy định tại điểm c, d, e, g khoản 1, Điều này;

d) Đối với các đơn vị không tự đảm bảo chi thường xuyên nếu đáp ứng đủ các điều kiện: Đạt kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo quy định hiện hành của Việt Nam; tỷ lệ giảng viên cơ hữu, nghiên cứu viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ chiếm ít nhất 30% tổng số giảng viên; có ít nhất 80% giảng viên cơ hữu có công trình khoa học được xét tính điểm theo quy định của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước trong ba năm gần nhất; trong đó, có giảng viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên ngành có bài báo, công trình công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có tên trong danh mục ISI, Scopus trong ba năm gần nhất thì được tự chủ thực hiện hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ quy định tại các điểm a, b, c, khoản này.

3. Cơ sở giáo dục đại học tự bảo đảm một phần chi thường xuyên được tự chủ:

a) Thực hiện hoạt động đào tạo đối với các nội dung quy định tại các điểm b, c khoản 2, Điều này.

b) Đối với cơ sở giáo dục đại học không tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, nếu đạt kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo quy định hiện hành của Việt Nam thì được thực hiện tự chủ các nội dung quy định tại điểm a, khoản này.

4. Cơ sở giáo dục đại học do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên được thực hiện tự chủ về hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ theo quy định hiện hành.

Điều 8. Tự chủ về tổ chức bộ máy

Hiệu trưởng hoặc giám đốc các cơ sở giáo dục đại học được quyết định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các phòng, ban chức năng; khoa, bộ môn; tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng trường.

Điều 9. Tự chủ về nhân sự

1. Căn cứ nghị quyết của Hội đồng trường, Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục đại học được quyết định:

a) Chiến lược và chính sách phát triển nguồn nhân lực của đơn vị; quy định tiêu chuẩn và hướng dẫn tuyển dụng, quản lý, sử dụng đối với công chức, viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật; thực hiện các chế độ, chính sách, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của công chức, viên chức, người lao động.

b) Chế độ và chính sách thu hút, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ đối với công chức, viên chức, nhà khoa học, nhà quản lý, giảng viên, giáo viên có trình độ cao, nghiên cứu viên làm công tác khoa học công nghệ; quy định mức thu nhập của công chức, viên chức, người lao động theo chất lượng và hiệu quả sản phẩm công việc.

c) Mời các nhà khoa học, nhà quản lý, chuyên gia có uy tín ở trong và ngoài nước đến giảng dạy, nghiên cứu khoa học, quản lý chuyên môn, quản lý các đề án, dự án, chương trình đào tạo và khoa học công nghệ.

d) Tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức; theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ về tự chủ nhân sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối với cơ sở giáo dục đại học tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, cơ sở giáo dục đại học tự bảo đảm chi thường xuyên: Được tự chủ xây

dụng, thẩm định và phê duyệt đề án vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp. Tự chủ quyết định số lượng người làm việc, tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức hàng năm báo cáo cơ quan chủ quản để tổng hợp báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

3. Đối với cơ sở giáo dục đại học tự đảm bảo một phần chi thường xuyên hoặc do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên: Xây dựng đề án vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trình cấp có thẩm quyền thẩm định, quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện tuyển dụng số lượng người làm việc do cấp có thẩm quyền giao.

Điều 10. Tự chủ tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư

1. Nguồn tài chính của đơn vị

a) Nguồn thu học phí: Mức thu do đơn vị tự quyết định theo nguyên tắc bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý;

b) Thu dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ, bổ sung kiến thức, kỹ năng để cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận đào tạo và các hình thức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn khác; thu dịch vụ khảo thí, kiểm định chất lượng giáo dục đào tạo; tư vấn giáo dục đào tạo; thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, thu phí bản quyền, giá trị thương hiệu, phí quản lý các hợp đồng nghiên cứu khoa học, phí quản lý dự án. Đơn vị thực hiện mức thu theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Nghị định này;

c) Các khoản thu dịch vụ khác hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo ngoài các khoản quy định tại điểm a, b, khoản 1 Điều này, đơn vị tự xác định và thỏa thuận với người học về nội dung và mức thu, đồng thời báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đại học ở trung ương để theo dõi, giám sát thực hiện;

d) Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo số lượng, khối lượng nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ và giá tính đủ chi phí;

đ) Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên; nguồn thu phí, lệ phí theo quy định của Nghị định số 16;

e) Vốn đầu tư phát triển đối với các dự án đầu tư dở dang và các dự án đầu tư khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

g) Nguồn huy động tài trợ để thành lập quỹ hiến tặng, đơn vị được quyết định việc thành lập và sử dụng Quỹ; nguồn vốn viện trợ, tài trợ khác theo quy định của pháp luật;

h) Vốn vay các tổ chức tài chính, tín dụng và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật, không hạn chế hạn mức vay;

i) Lãi tiền gửi ngân hàng thương mại đối với các khoản thu từ học phí và các khoản thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp khác;

k) Nguồn vốn khác theo quy định của Nghị định số 16.

2. Sử dụng nguồn tài chính

a) Chi đầu tư, mua sắm:

- Đơn vị phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp.

- Quyết định các dự án đầu tư sử dụng nguồn thu hợp pháp của đơn vị và các nguồn hợp pháp khác do đơn vị tự huy động; thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Quyết định và chịu trách nhiệm đối với các dự án đầu tư mua sắm từ nguồn hợp pháp của đơn vị.

- Đơn vị được vay vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước hoặc được hỗ trợ lãi suất cho các dự án đầu tư sử dụng vốn vay của các tổ chức tín dụng theo quy định.

- Quyết định việc sử dụng tài sản, cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị được đầu tư và giá trị thương hiệu của nhà trường để liên doanh, liên kết;

b) Chi thường xuyên: Đơn vị được tự quyết định nội dung và mức chi từ các nguồn thu học phí và thu sự nghiệp, nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, bao gồm cả chi tiền lương, chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

c) Chi hoạt động không thường xuyên: Đơn vị chi theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và pháp luật hiện hành;

d) Chi học bổng khuyến khích học tập; chi đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ thực hiện theo quy định;

đ) Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định. Tiền trích khấu hao tài sản hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước được hạch toán vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;

e) Đơn vị phải thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về mức chi, tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; tiêu chuẩn, định mức về nhà làm việc; tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động; chế độ công tác phí nước ngoài; chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

3. Phân phối kết quả tài chính trong năm

a) Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, đơn vị phải trích quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp tối thiểu 25%. Các quỹ khen thưởng; quỹ phúc lợi; quỹ hỗ trợ sinh viên và các quỹ khác do đơn vị tự quyết định mức trích lập quỹ và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

b) Lãi tiền gửi ngân hàng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp và được bổ sung vào quỹ hỗ trợ học sinh, sinh viên; quỹ phát triển hoạt động sự

ng nghiệp và các quy khác theo quy định;

c) Đơn vị được tự quyết định sử dụng các quỹ của đơn vị.

Điều 11. Tự chủ tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học tự đảm bảo chi thường xuyên

1. Nguồn tài chính của đơn vị

a) Nguồn thu học phí: Đơn vị thực hiện mức thu học phí tính đủ chi phí đào tạo áp dụng cho năm học 2020 – 2021 quy định tại khoản 1, Điều 5 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 86);

b) Các khoản thu dịch vụ sự nghiệp và thu dịch vụ khác hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 10 Nghị định này;

c) Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng hoặc ngân sách nhà nước cấp cho nhiệm vụ không thường xuyên, nguồn thu phí, lệ phí theo quy định tại điểm d, đ, khoản 1 Điều 10 Nghị định này;

d) Vốn đầu tư phát triển đối với các dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Nguồn huy động tài trợ để thành lập quỹ hiến tặng sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập, đơn vị được quyết định việc sử dụng Quỹ; nguồn vốn viện trợ, tài trợ khác theo quy định của pháp luật;

e) Nguồn vốn vay, đơn vị chỉ được vay vốn tại các tổ chức tín dụng, mức vay tối đa bằng 50% tổng nguồn thu từ học phí, thu hoạt động dịch vụ đào tạo và dịch vụ sự nghiệp khác trong năm;

g) Các nguồn khác quy định tại điểm i, k, khoản 1, Điều 10 Nghị định này.

2. Sử dụng nguồn tài chính:

a) Chi đầu tư, mua sắm:

- Chi đầu tư từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vốn vay và các nguồn tài chính hợp pháp khác: Căn cứ nhu cầu đầu tư và khả năng cân đối các nguồn tài chính, đơn vị chủ động xây dựng danh mục các dự án đầu tư, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trên cơ sở danh mục dự án đầu tư đã được phê duyệt, đơn vị quyết định dự án đầu tư, bao gồm các nội dung về quy mô, phương án xây dựng, tổng mức vốn, nguồn vốn, phân kỳ thời gian triển khai theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Chi từ nguồn ngân sách nhà nước cấp: Đơn vị phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng đối với nguồn ngân sách nhà nước cấp;

b) Chi thường xuyên:

- Chi tiền lương: Đơn vị chi trả tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với đơn vị sự nghiệp công. Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị (ngân sách nhà nước không cấp bổ sung).

- Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý:

Đối với các nội dung chi đã có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ vào khả năng tài chính, đơn vị được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Đối với các nội dung chi chưa có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Căn cứ tình hình thực tế, đơn vị xây dựng mức chi cho phù hợp theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

c) Chi không thường xuyên và các khoản chi khác theo quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 2, Điều 10, Nghị định này.

3. Phân phối kết quả tài chính trong năm:

a) Trích lập và sử dụng các quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; quỹ bổ sung thu nhập; quỹ khen thưởng; quỹ phúc lợi và các quỹ khác thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 16 của Chính phủ;

b) Lãi tiền gửi ngân hàng sau khi nộp thuế theo quy định, được bổ sung vào quỹ hỗ trợ học sinh, sinh viên; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các quỹ khác theo quy định.

Điều 12. Tự chủ tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học tự đảm bảo một phần chi thường xuyên

1. Nguồn tài chính của đơn vị

a) Nguồn thu học phí: Đơn vị thực hiện mức thu học phí theo lộ trình tính đủ chi phí đào tạo quy định tại khoản 1, Điều 5 Nghị định số 86;

b) Các khoản thu dịch vụ sự nghiệp và thu dịch vụ khác hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 10 Nghị định này;

c) Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công;

d) Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên; nguồn thu phí, lệ phí; vốn đầu tư phát triển, nguồn vốn viện trợ, tài trợ theo quy định tại Nghị định số 16;

đ) Nguồn vốn vay, đơn vị chỉ được vay vốn tại các tổ chức tín dụng, theo quy định của pháp luật;

e) Các nguồn khác quy định tại điểm i, k, khoản 1 Điều 10 Nghị định này.

2. Sử dụng nguồn tài chính

a) Chi đầu tư, mua sắm: Thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư, mua sắm;

b) Chi thường xuyên: Đơn vị thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 11 Nghị định này. Trong trường hợp Nhà nước điều chỉnh tiền lương, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị, trường hợp còn thiếu, ngân sách nhà nước cấp bổ sung;

c) Chi không thường xuyên và các khoản chi khác theo quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 2, Điều 10, Nghị định này.

3. Phân phối kết quả tài chính trong năm:

a) Trích lập và sử dụng các quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; quỹ bổ sung thu nhập; quỹ khen thưởng; quỹ phúc lợi và các quỹ khác thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 14 Nghị định số 16 của Chính phủ;

b) Lãi tiền gửi ngân hàng sau khi nộp thuế theo quy định, được bổ sung vào quỹ hỗ trợ học sinh, sinh viên; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

Điều 13. Tự chủ tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên

Nguồn tài chính, nội dung chi, mức chi, việc quản lý, sử dụng nguồn tài chính và trích lập các quỹ của đơn vị thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định 16 của Chính phủ. Riêng các khoản thu từ học phí và hoạt động dịch vụ (nếu có), đơn vị được gửi vào tài khoản tại ngân hàng. Lãi tiền gửi ngân hàng sau khi nộp thuế theo quy định được bổ sung vào quỹ hỗ trợ học sinh, sinh viên.

Điều 14. Tự chủ trong giao dịch tài chính

1. Mở tài khoản giao dịch

a) Cơ sở giáo dục đại học được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại để phản ánh các khoản thu học phí, thu hoạt động dịch vụ giáo dục đào tạo. Lãi tiền gửi là nguồn thu của đơn vị được bổ sung vào quỹ hỗ trợ học sinh, sinh viên; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc bổ sung vào quỹ khác theo quy định đối với từng loại hình đơn vị tự chủ quy định tại Nghị định này, không được bổ sung vào quỹ bổ sung thu nhập;

b) Các khoản kinh phí ngân sách nhà nước cấp, các khoản thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, đơn vị mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để theo dõi, quản lý sử dụng.

2. Vay vốn, huy động vốn

Cơ sở giáo dục đại học có hoạt động dịch vụ được vay vốn của các tổ chức tín dụng, huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị để đầu tư mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động sự nghiệp, tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với từng loại hình tự chủ quy định tại Nghị định này. Khi thực hiện vay vốn, huy động vốn, cơ sở giáo dục đại học phải có phương án tài chính khả thi, tự chịu trách nhiệm trả nợ vay, lãi

vay theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hiệu quả của việc vay vốn, huy động vốn.

Điều 15. Tự chủ tài chính đối với các đại học vùng

Ngoài các quy định về quyền tự chủ tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học quy định tại Điều 10, 11, 12, 13, 14 Nghị định này, các đại học vùng được quyết định phân bổ chi phí quản lý đào tạo, quản lý khoa học công nghệ, quản lý học sinh, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh giữa các đơn vị trong Đại học vùng; quyết định tỷ lệ trích nộp đối với các khoản thu sự nghiệp của đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc về Đại học vùng để phục vụ các nhiệm vụ chung của Đại học vùng và phải quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Điều 16. Hội đồng trường

1. Các cơ sở giáo dục đại học phải thành lập Hội đồng trường theo quy định. Thủ tục thành lập và hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn, cơ cấu, số lượng thành viên của Hội đồng trường thực hiện theo quy định tại Luật Giáo dục đại học và Điều lệ quy định đối với cơ sở giáo dục đại học.

2. Riêng đối với các cơ sở giáo dục đại học tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Hội đồng trường được ủy quyền thực hiện bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng (trình tự, thủ tục, thời gian được ủy quyền theo quy định của pháp luật và cơ quan chủ quản).

Điều 17. Trách nhiệm giải trình

Cơ sở giáo dục đại học được giao thực hiện tự chủ theo quy định của Nghị định này phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình, bao gồm:

1. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật đối với các quyết định thực hiện quyền tự chủ về hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị; tổ chức, thực hiện quản lý, sử dụng viên chức theo quy định của pháp luật về viên chức.

2. Tuyên bố công khai sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục và các giá trị cốt lõi của nhà trường; bảo đảm chất lượng dịch vụ giáo dục đào tạo theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và cam kết thực hiện mọi giải pháp thực hiện các nội dung này.

3. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế sử dụng tài sản, quy chế dân chủ cơ sở, quy chế công khai tài và các văn bản về qui trình, qui định quản lý nội bộ khác trong các lĩnh vực hoạt động tự chủ của nhà trường và công khai tất cả các quy trình và quy định trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

4. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của Nhà nước giao, thực hiện chế độ hạch toán kế toán, thống kê, thông tin, báo cáo hoạt động theo quy định.

5. Thực hiện kiểm toán độc lập hằng năm, công khai báo cáo kiểm toán trên trang thông tin điện tử; thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, giải trình và công khai thông tin xác thực (có minh chứng) về các hoạt động của trường đại học (trừ các thông tin bí mật theo quy định).

Chương III

CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 18. Điều kiện thực hiện tự chủ

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; tự bảo đảm chi thường xuyên; tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; được Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên được thực hiện tự chủ về hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính sau khi đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 6 Nghị định này.

Điều 19. Nội dung tự chủ về hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được tự chủ:

a) Bổ sung ngành nghề đào tạo trong nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nghề nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Ngành nghề bổ sung trong danh mục cấp IV hoặc thí điểm bổ sung ngành nghề đào tạo ngoài danh mục cấp IV theo nhu cầu xã hội khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Quyết định quy mô đào tạo của đơn vị mình;

c) Xác định chỉ tiêu tuyển sinh, lựa chọn phương thức tuyển sinh theo quy định hiện hành; chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh theo quy định; bảo đảm công khai, minh bạch; báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Quyết định các hoạt động đào tạo (chương trình đào tạo; phương pháp đào tạo; hình thức đào tạo; phương pháp kiểm tra, đánh giá; công tác tổ chức đào tạo; in, cấp phát và quản lý văn bằng, chứng chỉ); bảo đảm chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động;

đ) Quyết định liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài trên cơ sở chương trình liên kết đã được kiểm định chất lượng hoặc đang được phép đào tạo; phải công khai cơ sở, địa điểm, chương trình liên kết đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo; được tự xác định chỉ tiêu liên kết đào tạo theo quy định hiện hành và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

e) Thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước đặt hàng và được tự chủ các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

g) Quyết định mô hình tổ chức, phương thức hoạt động, ngân sách dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ;

h) Quyết định hướng nghiên cứu; phương thức thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ; quyết định thực hiện hoặc tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ, dịch vụ khoa học công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;

i) Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp không tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, nếu được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường cao đẳng, trường trung cấp của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quốc tế được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận hoặc đạt kết quả kiểm định chất lượng giáo dục trường cao đẳng, trường trung cấp theo quy định hiện hành của Việt Nam, với kết quả đạt 60% trở lên tổng số tiêu chí kiểm định, đồng thời có ít nhất 5% giáo viên, giảng viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên ngành ở tất cả các ngành, chuyên ngành đang được đào tạo có bài báo, công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế trong ba năm gần nhất thì được tự chủ thực hiện hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản này.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên được tự chủ:

a) Bổ sung ngành nghề đào tạo trong nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nghề nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Ngành nghề bổ sung trong danh mục cấp IV khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Quyết định liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước trên cơ sở chương trình liên kết đang được phép đào tạo; phải công khai cơ sở, địa điểm, chương trình liên kết đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng; chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo; được tự xác định chỉ tiêu liên kết theo quy định hiện hành và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Quyết định các nội dung quy định tại điểm c, d, e khoản 1, Điều này;

d) Được thực hiện tự chủ về hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ theo quy định hiện hành.

đ) Đối với các đơn vị không tự đảm bảo chi thường xuyên nếu đáp ứng đủ các điều kiện: Đạt kết quả kiểm định chất lượng giáo dục trường cao đẳng, trường trung cấp theo quy định hiện hành của Việt Nam, có tỷ lệ giáo viên, giảng viên cơ hữu, nghiên cứu viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trở lên chiếm 30% tổng số giảng viên và phải có ít nhất 10% giảng viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên ngành có bài báo, công trình công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế trong ba năm gần nhất, thì được tự chủ thực hiện hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học quy định tại các điểm a, b, c, d khoản này.

3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên

được tự chủ:

a) Được thực hiện tự chủ hoạt động đào tạo đối với các nội dung quy định tại các điểm b, c, d khoản 2, Điều này.

b) Đối với các đơn vị không tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, nếu đạt kết quả kiểm định chất lượng giáo dục trường cao đẳng, trường trung cấp theo quy định hiện hành của Việt Nam thì được thực hiện tự chủ các nội dung quy định tại điểm a, khoản này.

4. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên: Được thực hiện tự chủ về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ theo quy định hiện hành.

Điều 20. Tự chủ về tổ chức bộ máy

Hiệu trưởng hoặc người đứng đầu các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được quyết định các nội dung quy định tại Điều 8 Nghị định này.

Điều 21. Tự chủ về nhân sự

1. Căn cứ nghị quyết của Hội đồng trường, Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được quyết định các nội dung quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1, Điều 9 Nghị định này.

2. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên: Được tự chủ các nội dung quy định tại khoản 2, Điều 9 Nghị định này.

3. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đảm bảo một phần chi thường xuyên hoặc do Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên: Thực hiện theo các quy định tại khoản 3, Điều 9 Nghị định này.

Điều 22. Tự chủ tài chính đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10, Nghị định này.

Điều 23. Tự chủ tài chính đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên

1. Nguồn tài chính của đơn vị

a) Nguồn thu học phí: Đơn vị thực hiện mức thu học phí tính đủ chi phí đào tạo áp dụng cho năm học 2020 – 2021 quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5 Nghị định số 86.

b) Các nguồn vốn khác quy định tại khoản b, c, d, đ, e, g khoản 1, Điều 11 Nghị định này.

2. Sử dụng nguồn tài chính, phân phối kết quả tài chính trong năm thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 11 Nghị định này.

Điều 24. Tự chủ tài chính đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên

1. Nguồn tài chính của đơn vị

a) Nguồn thu học phí: Đơn vị thực hiện mức thu học phí theo lộ trình tính đủ chi phí đào tạo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 5 Nghị định số 86.

b) Các nguồn khác quy định tại điểm b, c, d, đ, e khoản 1, Điều 12 Nghị định này.

2. Sử dụng nguồn tài chính, phân phối kết quả tài chính trong năm thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 12 Nghị định này.

Điều 25. Tự chủ tài chính đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

Điều 26. Tự chủ trong giao dịch tài chính

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

Điều 27. Hội đồng trường

1. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải thành lập Hội đồng trường theo quy định. Thủ tục thành lập và hoạt động, nhiệm vụ và quyền hạn, cơ cấu, số lượng thành viên của Hội đồng trường thực hiện theo quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều lệ trường quy định đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Riêng đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Hội đồng trường được ủy quyền thực hiện bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng (trình tự, thủ tục, thời gian được ủy quyền theo quy định của pháp luật và cơ quan chủ quản).

Điều 28. Trách nhiệm giải trình

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được giao thực hiện tự chủ theo quy định của Nghị định này phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm giải trình quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 17 Nghị định này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Giao quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học

1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học căn cứ Nghị định này

3. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học

Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện đảm bảo tự chủ về tài chính và các điều kiện chuyên môn theo quy định của Nghị định này; xây dựng đề án tự chủ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 29 Nghị định này.

Điều 32. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Thu hồi việc giao tự chủ toàn bộ, một phần hoặc thay đổi mức độ giao tự chủ đối với đơn vị trong trường hợp không đáp ứng đủ điều kiện để được giao tự chủ.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập được giao tự chủ nếu có vi phạm trong quá trình thực hiện tự chủ đến mức bị xử lý kỷ luật sẽ không được xem xét tái bổ nhiệm lại chức vụ.

Điều 33. Quy định chuyển tiếp

1. Các cơ sở giáo dục đại học được giao thí điểm tự chủ theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 – 2017 (sau đây gọi là Nghị quyết số 77) phải thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục trước tháng 10 năm 2017; được thực hiện cơ chế tự chủ theo qui định của Nghị định này như đối với cơ sở giáo dục đại học tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư nếu đạt kết quả kiểm định. Thực hiện kiểm định ít nhất 30% chương trình đào tạo của trường đại học trong vòng 3 năm kể từ khi đạt kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học và công khai kết quả kiểm định chi tiết trên trang thông tin điện tử của nhà trường; thực hiện phân tầng, xếp hạng theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư phải thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục trong vòng 1 năm kể từ thời điểm được giao tự chủ; kiểm định ít nhất 30% chương trình đào tạo của trường đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp trong vòng 3 năm kể từ thời điểm được giao thực hiện tự chủ và công khai kết quả kiểm định chất lượng chi tiết trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

3. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học: Tự đảm bảo chi thường xuyên, tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị do Nhà nước bảo đảm đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên phải thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục trong vòng 2 năm kể từ thời điểm được giao tự chủ; kiểm định ít nhất 20% chương trình đào tạo của trường đại học; 10% chương trình đào tạo của trường cao đẳng, trường trung cấp trong vòng 3 năm kể từ thời điểm được giao thực hiện tự chủ và công khai kết quả kiểm định chất lượng chi tiết trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

và các quy định có liên quan, xây dựng đề án tự chủ trình Bộ, Ngành quản lý trực tiếp (đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học trực thuộc các Bộ, ngành), hoặc trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học thuộc các địa phương quản lý) xem xét phê duyệt và giao quyền tự chủ cho đơn vị sau khi lấy ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ở trung ương. Đề án phải đảm bảo đầy đủ các nội dung tự chủ được quy định tại Nghị định này.

2. Việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm giải trình cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học quy định tại Nghị định này được ổn định trong thời gian 3 năm. Trường hợp nguồn thu, nhiệm vụ của đơn vị có biến động làm thay đổi mức độ tự chủ tài chính, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học báo cáo cơ quan phê duyệt đề án để xem xét điều chỉnh mức độ tự chủ trước thời hạn.

Điều 30. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ giáo dục đào tạo; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập;

b) Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm trong hoạt động cung ứng dịch vụ giáo dục đào tạo và tổ chức thực hiện các nội dung khác về trách nhiệm quản lý nhà nước đối với dịch vụ giáo dục đào tạo theo quy định;

c) Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập; danh mục dịch vụ giáo dục đào tạo sử dụng ngân sách nhà nước;

d) Ban hành theo thẩm quyền định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực dịch vụ giáo dục đào tạo, làm cơ sở ban hành giá dịch vụ giáo dục đào tạo theo quy định;

đ) Chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan chịu trách nhiệm triển khai hướng dẫn thực hiện Nghị định này;

e) Hướng dẫn cơ chế tự chủ của đại học vùng theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Xác định số lượng và khối lượng của từng dịch vụ giáo dục đào tạo để đấu thầu hoặc đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc, trực thuộc bộ, ngành, địa phương mình;

b) Thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm trong hoạt động cung ứng dịch vụ giáo dục đào tạo và tổ chức thực hiện các nội dung khác về trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý.

4. Các quy định về học phí tại Nghị định này khác với quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021, thì được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2016.
2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HDND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP, BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc